



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

LU
Last

TO
Middle

HA'
First

Current Address: _____

148/S Lê Văn Q.1 - PHCM

Date of Birth: _____

1954

Place of Birth: _____

Tung Quốc

Previous Occupation (before 1975)
(Rank & Position)

2nd Lieutenant

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates: From _____

4/75

To _____

2/83

Years: _____

7

Months: _____

10

Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____

Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức
Số 58 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001/QTC, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 64 ngày 29 tháng 01 năm 1983

của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lu Tô Há

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1954

Nơi sinh Trung Quốc

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 66 Cô Bắc, Quận 1, TP: Hồ Chí Minh

Can tội Thiếu úy trung đội trưởng ĐPQ

Bị bắt ngày 28/4/75

An phát TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 66 Cô Bắc, Quận 1, TP: Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian cải tạo đã có nhiều tiến bộ, lao động tích cực, học tập và chấp hành nội quy của trại nghiêm.

- Thời hạn quản chế 12 tháng (mười hai tháng)

- Thời hạn đi đường 02 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại)

- Tiền đi đường cấp từ trại về đến gia đình

Làm tay ngón trở phải

Của Lu Tô Há

Danh bản số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

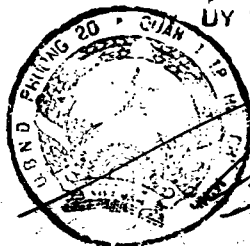
Ngày 9 tháng 2 năm 1983

Phó Giám thị



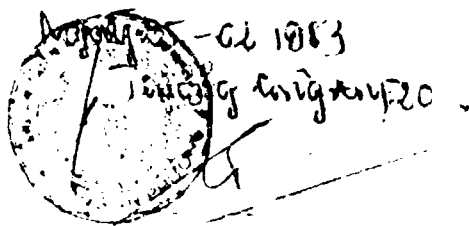
SAO Y BẢN CHÁNH Số 1398/1983
Ngày 04 tháng 09 năm 1983

TM. UBND PHƯỜNG 20 QUẬN 1
ỦY VIÊN THỦ KÝ



Bùi Văn Tấn

Đang xem phần 1
xác nhận đ/sử bà sử quản
HCTĐ và có dấu tính lại



Nguyễn Văn

1983

THAY DOI CHO O CA HO

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY DOI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 138881 CN

Họ và tên chủ hộ:

Ấp, ngõ, số nhà:

Thị trấn, đường phố:

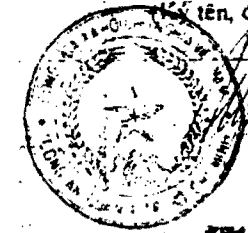
Xã, phường:

Huyện, quận:

Ngày 10 tháng 13 năm 1982

Trưởng công an

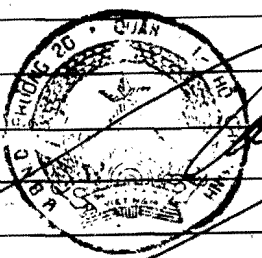
Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên



Số NK 3

NGUYỄN HỒNG CHÁNH

NHỮNG NGƯỜI THUỘC TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND
1	2	3	4	5	6
01	Lưu Y	chủ hộ	nữ	1917	
02	Nguyễn Anh	con	nữ	1943	020066348
03	Nguyễn Liêm	con	nam	1949	022912632
04	Nguyễn Thị Kim Hương	con dâu	nữ	1951	
05	Đường Quốc Cường	con	nam	23.8.83	
6	Nguyễn Hồ Húc	con	nam	1984	022912632
7	Đường Quốc Hùng	con	nam	1.6.1985	
SAO Y BẢN CHÍNH Số 1292/88 Ngày 01 tháng 09 năm 1988 TM. UBND PHƯỜNG 20 QUẬN 1 ỦY VIÊN THƯ KÝ 					

Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhận khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
7	8	9	
Cai Trung tâm NC SX Hút	1.10.76		
Công xã	1.10.76		
	28.7.83		
	21.9.85		
	01.7.1985		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~C21641510~~

Họ tên: **ĐỖ THUẬN LIÊN**



Sinh ngày: **03-07-1957**

Nguyên quán: **Quảng Đông,**

Trung Quốc.

Nơi thường trú: **170/37 Hà Tôn-**

Quyền, Q. 11, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Hoa Tôn giáo: Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Seo chấm c, lcm sau
dầu máy phải.

Ngày 20 tháng 9 năm 1981

THỦ LƯU GIÁM ĐỐC KẾ TÍNH TỶ CÔNG AN
PHÒNG TRƯỞNG THÔNG CS



Handwritten signature and initials.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 02261 / 634

Họ tên **LU TỔ HÁ**

Sinh ngày **17-02-1954**

Nguyên quán **Quảng Đông,
Trung Quốc.**

Nơi thường trú **148S Đê Thám,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.**



SÁO Y BẢN CHÍNH Số: 1256

Ngày **4** tháng **9** năm **1988**

TM. U.B.N.D. PHƯỜNG 20 QUẬN 1
ỦY VIÊN THỦ KÝ



Phạm Văn Sơn

ĐÃ THU LỆ PHÍ

Dân tộc:	Hoa	Tôn giáo:	Phật
		NGÓN TAY TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH
			Nốt ruồi cách 3cm trên sau cánh mũi phải.
		NGÓN TAY PHẢI	Ngày 01 tháng 4 năm 1986
			GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
			 Linh Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022833859

Họ tên LU. Y

Sinh ngày 1917

Nguyên quán Quảng Đông,

Trung Quốc.

Nơi thường trú 148/S Đề Thám,

P20, Q1, TP. Hồ Chí Minh.



SAO Y BẢN CHÍNH số 303

Ngày 6 tháng 12 năm 1984



Nguyễn Văn Lữ

Nguyễn Văn Lữ

Dân tộc: Việt		Tôn giáo: Phật
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Nốt ruồi cách 4 cm trên mu cánh mũi trái.
		Ngày 01 tháng 11 năm 1988 KIỂM ĐỐC QUỐC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN 
		

Thành phố Hồ Chí Minh, 08/01/1990

Kính gửi: Bà Khúc Minh - Thơ

Chủ tịch Hội gia đình Tù nhân chính trị Việt Nam

Kính thưa bà,

Tôi tên Lu-tô-Hà, thường trú tại số 148/5 đường Tề Thám, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Gia đình chúng tôi đã nhận được thư và 2 mẫu đính kèm của quý Hội gửi cho; chúng tôi rất cảm ơn sự chiếu cố của quý Hội.

Lần này, theo hướng dẫn của quý Hội, chúng tôi xin gửi hồ sơ bổ túc đến quý Hội. Đồng thời, xin được nói rõ hoàn cảnh của chúng tôi là KHÔNG CÓ thân nhân ở tại Mỹ và gia đình chúng tôi rất mong được sự giúp đỡ và can thiệp của quý Hội, để gia đình chúng tôi sớm được cứu xét sang Mỹ theo kế hoạch cho định cư tại Mỹ những sĩ quan chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã học-tập cải tạo được thả về nếu họ từ nguyện xin đi Mỹ. (kế hoạch đã được đôi bên chính phủ Việt-Mỹ thỏa thuận, phía Việt Nam gọi đây là kế hoạch H.O.)

Kính thưa bà, chúng tôi xin được nhắc lại là gia đình chúng tôi không có thân-quyến ở Mỹ bảo lãnh. Chúng tôi phải nhờ BAN-ĐỀ giúp chuyển thư và hồ sơ đến quý Hội để bảo đảm và rất mong sự giúp đỡ của bà và quý Hội.

— Riêng bản thân tôi là thiếu úy bị bắt tập trung cải tạo từ ngày 28/04/1975 đến ngày 09/02/1983 mới được thả về.

Tôi rất mong và rất tin tưởng ở sự giúp đỡ của quý Hội.

Xin quý Hội liên lạc với chúng tôi thông qua địa chỉ:

CAM - TU

U.S.A

Xin cảm ơn bà và quý Hội.

Kính thư
LHA

Lu-tô-Hà

Questionnaire for Ex. Political prisoner in V.N.

I - Basic information on applicant in V.N.

- 1 - Full name : LU - TH - HA'
- 2 - Date / place of birth : February , 17th 1954 / Saigon
- 3 - Position before April 1975
 - Rank : second - lieutenant
 - function : Platoon commander of 302nd regional battalion
 - serial number : 74/140.179.
- 4 - Month , date , year arrested : April , 28th 1975
- 5 - Month , date , year out of camp : February , 9th 1983
- 6 - Photocopy released certificate : (attached)
- 7 - Present mailing address :
To : CAM - TU

~~U.S.A~~

8 - Current address : 148/S ~~Đ~~ Thám , Quận I , Hồ Chí Minh city

II Relatives to accompany with Ex. political prisoner.

Name	Date / place of birth	Relationship
ĐD ² - THUẬN - LIÊN	July , 3rd 1957 , Vietnam	wife
LU - Y	1917 , China	mother

Complete family listing.

Father : DƯƠNG - VINH (died)
Mother : LU - Y (living)
Spouse : ĐD² - THUẬN - LIÊN (living)
Children : none.

III Relatives outside V.N : none.

IV Have you submitted the application for family : I have

V Comment remarks : I beg your humanitarian help for my family to be able to live in United States under the sponsorship of the U.S. government.

VI Documents attached

- Released certificate (01 copy)
- Birth certificate (03 copies)
- Marital certificate (01 copy)

Many thanks
HA'

September, 30th 1989

Thành phố Hồ Chí Minh, 30/9/1989

Kính gửi: Hội gia đình tù nhân chính trị Việt Nam

- Tôi tên LU-TS-HA', sinh ngày 17/02/1954 nguyên trước đây là chiến úy trung đội trưởng thuộc tiểu đoàn 302 địa phương quân. Từ ngày 28/04/1975 tôi bị bắt đưa đi tập trung cải tạo cho đến ngày 09/02/1983 mới được thả về.

Ngay sau khi về, tôi đã gửi đơn qua Thái Lan xin được ra đi trong thất tử theo chương trình O.D.P nhưng mãi đến nay vẫn chưa nhận được thư hồi báo.

Thời gian gần đây, qua báo chí thành phố Hồ Chí Minh, gia đình chúng tôi được biết có chương trình cho di cư tại Mỹ những người cải tạo về cùng với gia đình nếu họ có nguyện vọng như vậy.

Vậy 01 lần nữa, tôi xin gửi lá thư này đến quý hội, rất mong quý hội giúp đỡ, can thiệp cho chúng tôi sớm được tái định cư ở Hoa Kỳ theo chương trình cho di cư trên.

Xin cảm ơn quý hội và rất mong sự hồi đáp của quý hội. Những hồ sơ đính kèm, nhờ quý hội chuyển đến hội cần thiết. Xin đa tạ.

Xin quý hội liên lạc với chúng tôi theo địa chỉ sau:

Toi: CAM . TU

U.S.A

Kính thư

HA'

Lu-ts-HA'

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận 5

Thành phố, Tỉnh _____



BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 9368.-Giới tính: nữ

Họ và Tên

ĐO THUAN LIEN.Sinh ngày
tháng năm

Chín tháng bảy năm một chín năm bảy,
(09/7/1957)

Nơi sinh

3, Hà Tôn Quyền.

Khai về cha mẹ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi (hoặc
ngày, tháng, năm sinh)ĐO QUAN.TRAN HUYEN.//30

Dân tộc

////

Quốc tịch

Nghề nghiệp

//Không.

Nơi ĐKNK thường trú

87, Lý Nam Đế.

Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK
thường trú, số giấy chứng
minh hoặc CNCC của
người đứng khai.

//

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 29 tháng 8 năm 1988TM/UBND 05 ký tên đóng dấuĐã ký ngày 12 tháng 7 năm 1957

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

viên chức hộ tịch đã ký,



Dương Văn Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn : P.20/Q1
Thị xã, Quận : MOT
Thành phố, Tỉnh : H.C.M

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT 13/P3

BẢN SAO
GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 119/88

Quyển số I

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN	LU TO HÁ	ĐỖ THUẬN LIÊN
Bí danh		
Sinh ngày, tháng năm hay tuổi	17-2-1954	03-7-1957
Dân tộc	HOA	HOA
Quốc tịch	VIỆT NAM	VIỆT NAM
Nghề nghiệp	THỢ MỘC	THỢ MAY
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	148/S.ĐỀ THẨM.P.20/Q1	170/37.HÀ TON QUẬN. P.4/Q11
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	022417632	021641910

Người chồng ký

ĐÃ KÝ

Người vợ ký

ĐÃ KÝ

Đăng ký, ngày 05 tháng 9 năm 88

TM/UBND P.20/Q1 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

(PHÓ CHỦ TỊCH ĐÃ KÝ)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

NGUYỄN -VAN- HỒNG

Ngày 05 tháng 9 năm 88

TM/UBND P.20/Q1 Ký tên đóng dấu

(Chỉ rõ họ tên, chức vụ)

TM U.B.N.D. PHƯỜNG 20 QUẬN 1

ỦY VIÊN THỦ KÝ



[Handwritten signature]
Đỗ Văn Tiến

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận 5

Thành phố, Tỉnh _____

★

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 1787

Quyển số _____

Họ và tên

LU TO HA

Nam, 11

Sinh ngày

tháng năm

(17 / 2 / 1954)

Nơi sinh

493 Quang Trung

Khai về cha mẹ

CHA

MẸ

Họ, tên tuổi (hoặc
ngày, tháng, năm sinh)

/

LU Y

Dân tộc

Quốc tịch

//

//

Nghề nghiệp

Nơi ĐKNK thường trú

//

Không Nghề Nghiệp
1 Cellien SaigonHọ, tên tuổi nơi ĐKNK
thường trú, số giấy chứng
minh hoặc CNCC của
người đứng khai

//

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 27 tháng 8 năm 19 54Đã ký, ngày 20 tháng 2 năm 1954

(ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

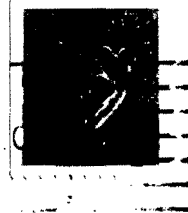
TM. UBND 05 ký tên đóng dấu

Ha-li
Dương Văn Bình

FROM: CAM Tu



YOUR VOICE



U. S. A.

FEB 12 1990

TO: Mrs. KHUC MINH THO.

P. O. BOX 5435.

ARLINGTON. V. A. 22205-0635.

U. S. A.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : LU TÔ HÀ
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 02 17 1954
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam) tai Saigon

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 148/S đường Đề Thám, phường 20,
(Dia chi tai Viet-Nam) quận I, thành phố Hồ Chí Minh

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 28/04/1975 To (Den): 09/02/1983

PLACE OF RE-EDUCATION: Bà Rịa (Phước-Tuy) Trại Thủ Đức (Hầm Tân,
CAMP (Trai tu) Thuận Hải)

PROFESSION (Nghe nghiep): thợ mộc

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Thiếu úy
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): trung đội trưởng
Date (nam): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): Có (nhưng không nhận được
IV Number (So ho so): hội bảo)
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 02 (hai) người
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 148/S đường Đề Thám,
phường 20, quận I, thành phố Hồ Chí Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): _____

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: _____
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: _____
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LU - TÔ - HA'
(Listed on page 1)

[illegible]

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

Đỗ Thuận Liên 170/37 Xã Hòa Tân - Huyện
phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

ADDITIONAL INFORMATION :

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 1990

Ký tên

42

Lu-tô-Hà

Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
hành chính có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại dễ dàng và được
tất cả mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 52552/90 - 002

tên Full name

LU TÔ HÁ

sinh Date of birth

1954

Place of birth

Tp. Hồ Chí Minh

Domicile

Tp. Hồ Chí Minh

ngiệp Occupation

/

cao Height

đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

(Handwritten signature)

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

04 - 8 - 1975

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Hà Nội ngày 04 tháng 8 năm 1975
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



T. B. T. T.

3

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

9

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

52552X

Cấp: Lưu Bồi Hải

Công: 1 loại an

Đến: HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Quốc tịch: Tân dân nhất

Trước: 04 - 02 - 1991

Hết thời hạn: 04 tháng 5 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Trịnh Văn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 52554/90 - DC

Họ và tên Full name

ĐỖ THUẬN LIÊN

Ngày sinh Date of birth

1957

Nơi sinh Place of birth

Tp. Hồ Chí Minh

Chỗ ở Domicile

Tp. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

/

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Liên

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

04 - 8 - 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 04 tháng 8 năm 1990

Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Vân

Trần Tiến

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 52554
Cấp Độc thân LiênCấp Liên
Đ. HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲCấp Độc thân LiênTrước 04-12-1991Hộ Nội, ngày tháng 8 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Trưởng phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests competent authorities of Vietnam and other countries to allow this passport to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

№ PT5.2556/90 BC2

Tên Full name

LU - Y

Ngày sinh Date of birth

1917

Nơi sinh Place of birth

Trung Quốc

Nơi cư trú Domicile

Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

Cao Height

Đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Y

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

04 08 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Issued at Hà Nội on ngày 14 tháng 8 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Trần Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS



CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

52556

Họ và tên

Lưu ý

Quê quán

1 - 1 - 1 - 1

Đơn vị

HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

Địa chỉ

Liên minh nhất

Ngày cấp

04 - 02 - 1991

miễn phí, ngày 04 tháng 2 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Phòng



Trần Văn

Thành phố Hồ Chí Minh, 07/11/1990

Kính gửi bà Khúc - minh - Thảo
Chủ tịch Hội từ nhân chính trị Việt Nam
Kính thưa bà !

Tôi tên là LU-TÔ-HA, sinh năm 1954, là sĩ quan của chính quyền Saigon (trước năm 1975), học tập cải tạo ở các trại và nay cũng vẫn gia đình gồm Lu-y (mẹ ruột), Đỗ Thuận - Liên (vợ) đã được chính phủ Việt Nam cấp 03 hộ chiếu từ số 52552/90SC2 đến 52556/90SC2 (số chân) cho phép xuất cảnh sang Mỹ định cư.

Thưa bà ! Do không có thân nhân tại nước Mỹ nên chúng tôi rất mong bà giúp đỡ :

- Chúng tôi sớm được tiếp xúc với phái đoàn phỏng vấn xét nhập cư cuối Mỹ.

- Giới thiệu chúng tôi với một cơ quan tôn giáo thiên nguyện của Mỹ (chẳng hạn United States Catholic Conference) để cơ quan thiên nguyện đỡ đầu cho chúng tôi trong cuộc sống mới tại Hoa Kỳ.

Kính thưa bà ! chúng tôi rất cảm kích công việc của Bà. Tiên đây xin gửi đến Bà lời chúc sức khỏe và xin Bà nhận nơi đây lòng trân trọng biết ơn của chúng tôi.

Thưa tá liên hệ chúng tôi, xin Bà đề :

Ta : CAM TU

U.S.A (nhờ chuyển)

Kính thư

Hà

Lu-tô-Ha

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT 13/P3

Xã, Thị trấn : P.20Thị xã, Quận : MQTThành phố, Tỉnh : H.C.M

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 119/88Quyển số I

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN	<u>LE TO HÁ</u>	<u>ĐỖ THANH LIÊM</u>
Bí danh		
Sinh ngày, tháng năm	<u>17.2.1954</u>	<u>03.7.1957</u>
Hay tuổi		
Dân tộc	<u>HOA</u>	<u>HOA</u>
Quốc tịch	<u>VIET NAM</u>	<u>VIET NAM</u>
Nghề nghiệp	<u>THO MỘC</u>	<u>THO MAY</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>148/S.Đ. THAM.P.20/Q1</u>	<u>170/37.HÀ TON QUYNH</u> <u>P.4/II</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	<u>022417632</u>	<u>021641916</u>

Người chồng ký

ĐÀ KÝ

Người vợ ký

ĐÀ KÝ

Đăng ký, ngày 05 tháng 9 năm 1988TM/UBND P.20/Q1 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

(PHÓ CHỦ TỊCH ĐÀ KÝ)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 05 tháng 9 năm 1988

NGUYỄN VĂN HỒNG

TM/UBND P.20/Q1 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ngày 20 Q.1)

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hồng

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001/ĐKT, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Thủ Đức

Số 58 CRT

Học tập - Tự do - Hạnh phúc

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 64 ngày 29 tháng 01 năm 1983

Của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh LA TÔ HÁ

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1954

Nơi sinh Trung Quốc

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 66 Cô Bắc, Quận 1, TP: Hồ Chí Minh

Can tội Thiếu úy trung đội trưởng ĐPQ

Bị bắt ngày 28/4/75

An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tống án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 66 Cô Bắc, Quận 1, TP: Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian cải tạo có nhiều tiến bộ, lao động tích cực, học tập và chấp hành nội quy của trại nghiêm.

Thời hạn quản chế 12 tháng (mười hai tháng)

Thời hạn di dưỡng 02 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại)

Tiền di dưỡng cấp từ trại về đến gia đình

Làm tay ngón trái phải

Của LA TÔ HÁ

Danh pin số

Lập tại



Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Ngày 9 tháng 2 năm 1983

Phó Giám thị



SAO Y BẢN CHỈNH số 1298

Ngày 05 tháng 09 năm 1983

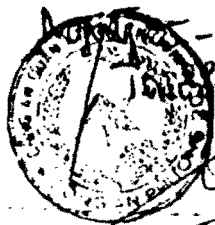
TM. U.B.N.D. PHƯƠNG 20 QUẬN 1

ỦY VIÊN THỦ KÝ



Bàn: Phan Văn Tâm

Long An Province
Local people's committee
H.T.T. is the first to be in the
H.T.T. is the first to be in the



10/10/83 - 02 1083
10/10/83 - 02 1083

Nguyễn Văn



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISÁ #: _____ X _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LU TO HA
Last Middle First

Current Address: 148/3 Dê Thâm - P.20 - Q.1 - HCM City

Date of Birth: 02-17-1954 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) S. Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 04.28.75 To 02.09.1983
Years: 07 Months: 10 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

FROM: CAM TU



TO: MRS: KHUC MINH THO
P. O. BOX 5435.
Arlington. V. A. 22205-0635.
U. S. A.

DEC 05 1990